

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- NĂM BÁO CÁO: 2019 -

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên thành lập : **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company

Tên viết tắt : **PETEC BIDICO**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai vào ngày 25 tháng 10 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là **4100406219**.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 VNĐ

Vốn góp của chủ sở hữu : 40.391.470.000 VNĐ

Địa chỉ trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo- Thành phố Quy Nhơn- Bình Định

Điện thoại : 0256.3 822233 - Fax : 0256.3 823863.

Website : www.petecbidico.com.vn

Email : info@petecbidico.com.vn

MỤC LỤC

Trang

I. Thông tin chung	03
1. Quá trình hình thành và phát triển	-
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	-
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	05
4. Định hướng phát triển	07
II. Tình hình hoạt động trong năm	08
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	-
2. Tổ chức và nhân sự	09
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	-
5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	11
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư cả chủ sở hữu	12
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	-
2. Tình hình tài chính	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	-
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2020	15
5. Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty	16
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	-
2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban TGD	16
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	-
V. Quản trị Công ty	17
1. Hội đồng quản trị	-
2. Ban kiểm soát	19
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	20
VI. Báo cáo tài chính	24
1. Ý kiến kiểm toán.	-
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	25

I. Thông tin chung:

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập vào ngày 14/5/2001 theo quyết định số 35/2001/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bình Định về việc chuyển công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng. Tiền thân của công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai đơn vị là: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và Công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.

Ngày 08/9/2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thống nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 18/5/2016), đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 30.600.000.000 đồng lên thành 40.391.470.000 đồng (tức tăng 32%), tương đương 4.039.147 cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề hoạt động chính yếu:

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng – trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Dịch vụ cho thuê cửa hàng, hợp tác kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng các loại;

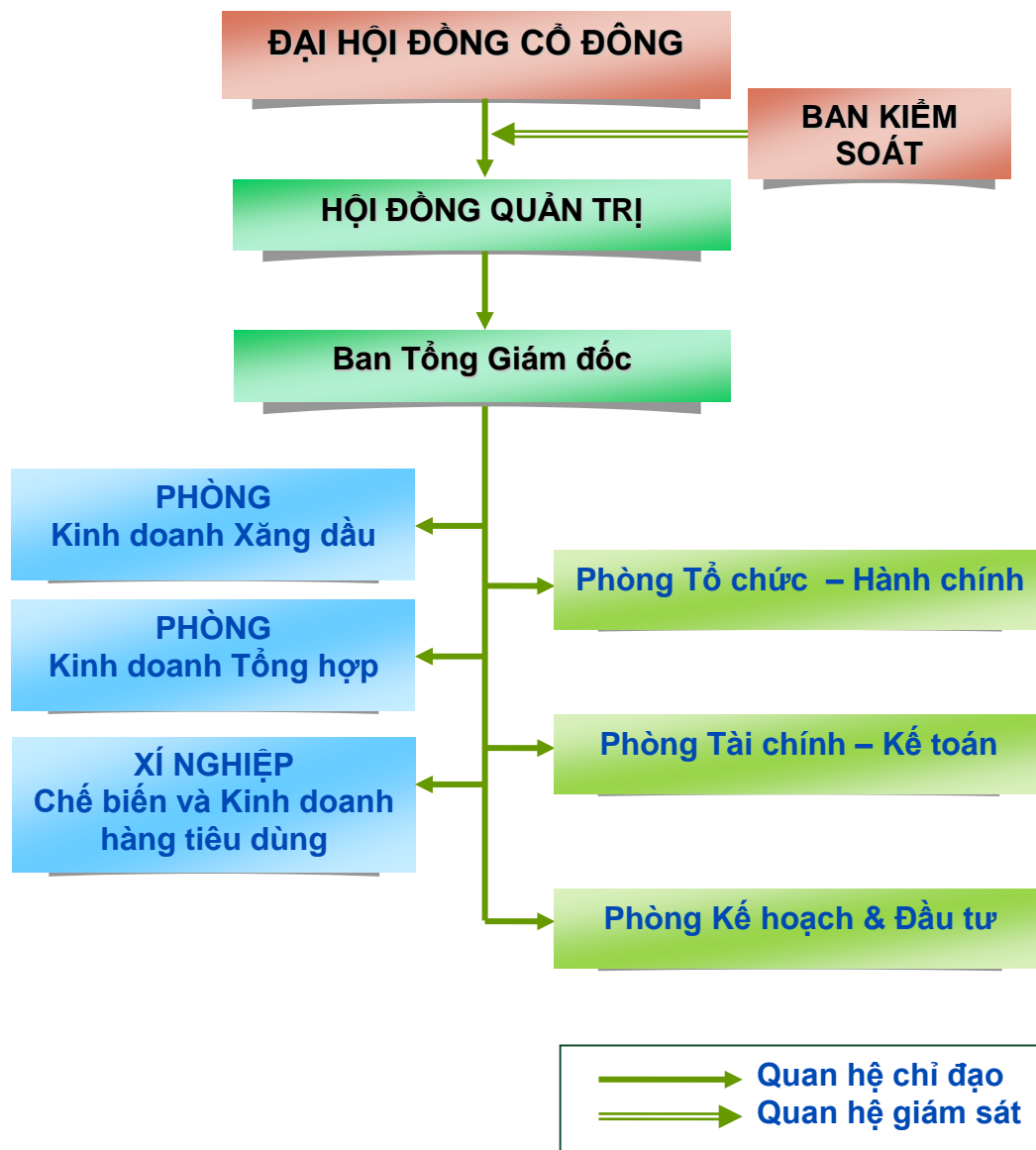
b. Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:

	<u>Năm 2019</u>	<i>Tỷ lệ chiếm</i>	<u>Năm 2018</u>	<i>Tỷ lệ chiếm</i>
Tổng doanh thu (triệu đồng)	675.208	100%	714.881	100%
<i><u>Trong đó:</u></i>				
- Kinh doanh xi-măng	231.762	34,3%	254.821	40,1%
- Kinh doanh xăng dầu	440.080	65,2%	437.389	44,2%

c. Địa bàn kinh doanh: Thị trường hoạt động: Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị.



– **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Hội đồng Quản trị công ty:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra gồm 5 (năm) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 1 (một) chủ tịch. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám Đốc.

Ban Kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 (ba) thành viên. Ban kiểm soát là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban tổng giám đốc gồm 3 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch & Đầu tư;
- Phòng kinh doanh tổng hợp;
- Phòng kinh doanh xăng dầu;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng (kinh doanh hàng công nghệ phẩm);

Đứng đầu các bộ phận này là các Trưởng phòng, Giám đốc Xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

– **Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất:** Không có.

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển trọng tâm ở hai ngành hàng xăng dầu và xi-măng, mục tiêu là ổn định và phát triển thị trường kinh doanh thông qua chất lượng dịch vụ, tính ổn định trong cung ứng hàng hóa, uy tín chất lượng hàng hóa trong phân phối đến hệ thống khách hàng.
- Quản lý chặt chẽ giảm thiểu rủi ro công nợ phải thu. Nâng cao hiệu suất sử dụng đồng vốn.
- Năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, hoạt động kinh doanh bị đình trệ, Công ty cố gắng ổn định hoạt động kinh doanh, giữ thị phần, giữ được vốn, qua đó phân đầu lợi tức cổ phần năm 2020 đạt từ 4 - 6%.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển bền vững đối với hai ngành hàng chiến lược là xi-măng và xăng dầu. Đối với xi-măng, hợp tác chặt chẽ với nhà cung cấp, đồng thời thực hiện các giải pháp tăng sức cạnh tranh hướng đến có thể phát triển mạnh thị trường khu vực các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên nhằm gia tăng lượng tiêu thụ các mặt hàng có chất lượng như xi-măng Phúc Sơn và Nghi Sơn tại thị trường này và một số mặt hàng xi-măng có chất lượng khác. Đối với xăng dầu, nâng hiệu quả khâu bán lẻ tương ứng với tiềm năng, làm việc chặt chẽ với các đơn vị đầu mối nhằm đảm bảo nguồn cung và chất lượng hàng hóa cung ứng cho hệ thống khách hàng ở khâu bán buôn.
- Nâng cao hiệu quả khai thác tài sản, mặt bằng hiện có.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, nâng cao trình độ và kinh nghiệm trong từng lĩnh vực kinh doanh then chốt.
- Trên cơ sở các kế hoạch đã hoạch định, yêu cầu thực tế của Công ty, khả năng phát triển của nền kinh tế, các nội dung đầu tư trong thời gian đến sẽ gồm:
 - Tìm kiếm cơ hội đầu tư và kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh đối với các mặt bằng hiện có của Công ty. Với các vị trí đã đầu tư nâng cấp, phối hợp với các đối tác khai thác hiệu quả hơn các tài sản trên đất;
 - Trên cơ sở yêu cầu thực tế, và nhằm đáp ứng các điều kiện để hoàn thành các mục tiêu dài hạn, Công ty sẽ xem xét đầu tư một số hạng mục trọng điểm nhằm gia tăng khả năng kinh doanh ở các ngành hàng xăng dầu và xi-măng trong năm 2020 và giai đoạn đến năm 2025.

b. Các rủi ro: (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

- Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang phát triển mạnh và chưa thể kiểm soát, kinh tế Thế Giới năm 2020 sẽ bị tác động rất lớn, nhu cầu thị trường suy giảm mạnh; thị trường sản xuất bị ngưng trệ do thiếu nguyên liệu sản xuất. Đối với hoạt động kinh doanh của

Công ty, nhu cầu thị trường đối với xăng dầu giảm sút; Nhu cầu vật liệu xây dựng tuy ở mức khá nhưng khả năng vận chuyển hàng hóa bị hạn chế; Mảng kinh doanh dịch vụ - đặc biệt là khai thác mặt bằng sẽ bị tác động từ thị trường chung; Nhìn chung, diễn biến của tình hình dịch bệnh và suy thoái kinh tế toàn cầu sau đó sẽ tác động lớn đến hoạt động kinh doanh cũng như công tác dự báo của Công ty thời gian đến.

- Mảng xi-măng tiếp tục cạnh tranh gay gắt, phương thức giao nhận hàng thay đổi (từ xi-măng bao sang bao Sling) cùng với chi phí làm hàng vẫn ở mức cao sẽ tiếp tục là trở ngại lớn cho mảng kinh doanh này trong năm 2020.
- Mảng xăng dầu chịu tác động lớn từ việc giá Thế Giới biến động mạnh theo hướng giảm. Như vậy, cùng với tình hình nhu cầu suy giảm, thì giá cả biến động cũng là rủi ro cho hoạt động kinh doanh mảng này.
- Công tác kiểm soát nợ phải thu mặc dù không để xảy ra rủi ro trong các năm qua, song vẫn tồn tại vấn đề cần khắc phục nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tiềm ẩn rủi ro ở các ngành hàng kinh doanh chủ lực của Công ty.
- Tình hình thời tiết tiếp tục thay đổi phức tạp, sẽ tác động gián tiếp làm suy giảm sức mua của thị trường, đồng thời trực tiếp tác động đến khả năng cung ứng hàng hóa của Công ty (hàng hóa vận chuyển chủ yếu bằng đường biển), làm giảm nhu cầu thị trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2019:

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2019		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2018
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	613.545	86%	91%
DOANH THU	Tr.đồng	675.208	92%	94%
D.THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	671.842	92%	94%
Xi-măng	Tr.đồng	231.762	76%	91%
- Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long	tấn	181.765	73%	89%
Xăng dầu	Tr.đồng	440.080	103%	101%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	301.020	108%	101%
+ Lượng bán ra	1000 lít	19.684	109%	100%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	139.060	95%	100%
+ Lượng bán ra	1000 lít	8.826	105%	111%
D.THU D.VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	3.366	120%	91%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	675.208	92%	94%
Giá vốn hàng bán	-	640.633	90%	95%
Chiết khấu hàng mua	-	-	0%	-
Lợi nhuận gộp	-	34.575	102%	89%

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2019		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2018
Doanh thu hoạt động tài chính	-	1.418		42%
Chi phí lãi vay	-	2.307	76%	56%
Chi phí bán hàng	-	31.193	158%	88%
Trích lập dự phòng	-	-		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	6.801	105%	100%
Thu nhập khác		9.528		103%
Lợi nhuận trước thuế	-	5.220	117%	107%
Thuế phải nộp	-	1.069	119%	107%
Lợi nhuận sau thuế	-	4.151	116%	107%
Tỷ lợi tức cổ phần	%	8,00	100%	100%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	10,28	116%	107%

Trong đó, các mảng kinh doanh chính đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu : Doanh thu đạt 440,1 tỷ đồng, sản lượng bán ra đạt 28,5 triệu lít (vượt 7,6% kế hoạch đề ra). Mức sản lượng bán ra khu vực bán buôn vượt 9% so với năm trước, khu vực bán lẻ có mức tăng khá – tăng 5% so với năm 2018.
- Xi-măng : Doanh số 231,7 tỷ đồng, đạt sản lượng 181,8 ngàn tấn, hoàn thành 76% kế hoạch đề ra, đạt 91% so với sản lượng bán ra năm 2018.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (gồm 5 thành viên) và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV (gồm 3 thành viên).

Hội đồng quản trị

- Ông Huỳnh Đức Trường Chủ tịch Bỏ nhiệm ngày 25/05/2015
- Ông Nguyễn Trọng Phát Thành viên Bỏ nhiệm ngày 23/05/2015
- Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh Thành viên Bỏ nhiệm ngày 23/05/2015
- Ông Nguyễn Đức Linh Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 23/05/2015
- Ông Lương Duy Vân Thành viên Bỏ nhiệm ngày 23/05/2015

Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Văn Ánh Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 25/05/2015
- Ông Hoàng Anh Tuấn Thành viên Bỏ nhiệm ngày 23/05/2015
- Ông Nguyễn Văn Phàn Thành viên Bỏ nhiệm ngày 23/05/2015

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Trọng Phát Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 25/05/2015
- Ông Lương Duy Vân Phó Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 25/05/2015
- Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh Phó Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 25/05/2015
- Bà Không Thị Hà Kế toán trưởng Bỏ nhiệm ngày 25/05/2015

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị: (tính đến 31/12/2019)

Stt	Họ tên người sở hữu cổ phần	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	C.Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec (Người đại diện phân vốn: Huỳnh Đức Trường)	1.274.064	31,54
2	Huỳnh Đức Trường	20.716	0,51
3	Nguyễn Trọng Phát	670.568	16,60
4	Lương Duy Vân	341.808	8,46
5	Đỗ Khoa Mỹ Linh	247.627	6,13
6	Nguyễn Đức Linh	0	-
	Tổng cộng	2.554.783	63,24

– **Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:**

Không có.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số nhân sự toàn công ty có đến cuối năm tài chính là 82 người. Trong đó nhân viên quản lý 15 người.

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Không có

4. **Tình hình tài chính:**

(Đvt: Triệu đồng)

a. **Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	103.765	109.601	-5%
Doanh thu thuần	675.208	714.881	-6%
Lợi nhuận từ h.động kinh doanh	-4.307	-4.400	2%
Lợi nhuận khác	9.528	9.289	3%
Lợi nhuận trước thuế	5.220	4.889	7%
Lợi nhuận sau thuế	4.151	3.889	7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	8%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	2,00	1,94	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,79	1,63	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,38	0,41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,61	0,71	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	59,84	52,87	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6,51	5,96	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 4.039.147 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ. Trong đó, cổ phiếu phổ thông chiếm 100% vốn điều lệ. Không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

b. Cơ cấu cổ đông: (theo danh sách chốt của VSD đến 30/05/2019)

- Tổng số cổ phần : 4.039.147 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ.
- Cổ đông pháp nhân : 01 cổ đông, nắm giữ 1.274.064 cổ phần, chiếm 31,54%.
- Cổ đông thể nhân : 322 cổ đông, nắm giữ 2.765.083 cổ phần, chiếm 68,46%.
- Cổ đông là Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Hoạt động kinh doanh của Công ty thuần về thương mại, không phát sinh sử dụng nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

Hoạt động kinh doanh toàn công ty năm 2019 gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu từ sức ép cạnh tranh trên thị trường và chi phí đầu vào luôn ở mức cao. Ngành hàng xi-măng có những thay đổi căn bản về phương thức nhập hàng qua Cảng (ưu tiên nhập xi-măng bằng bao Sling), việc vận chuyển bằng đường bộ, nhiều loại xi-măng giá rẻ tiếp tục thâm nhập vào thị trường, ... vì vậy hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, lợi nhuận trên đầu tấn suy giảm. Ngành hàng xăng dầu, nhìn chung mảng kinh doanh này đã hoạt động tốt trong năm 2019, trong đó sản lượng bán ra đạt và vượt ở cả bán buôn và bán lẻ, lợi nhuận trên đầu lít đạt cao so với nhiều năm gần đây. Diễn biến thời tiết năm 2019 diễn biến phức tạp, mưa bão liên tục và bất thường cũng đã tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty đã hoàn thành 92% kế hoạch về doanh thu, sản lượng bán ra ở ngành hàng chính là xăng dầu đạt và vượt so với kế hoạch, kinh doanh xi-măng tuy có nhiều khó khăn nhưng sản lượng bán ra đạt xấp xỉ năm 2018, lợi nhuận đạt so với kế hoạch, tỷ suất chia lợi tức dự kiến đạt 8%/năm.

Trong năm hoạt động kinh doanh của Công ty không phát sinh thêm nợ xấu.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Trong năm qua, giá dầu Thế Giới tiếp tục biến động liên tục. Do nắm bắt tốt diễn biến giá cả, chủ động được nguồn hàng, đi đôi với khai thác hiệu quả kho dầu An Phú, vì vậy khâu bán buôn của Công ty vẫn đảm bảo được hai mục tiêu: vừa đảm bảo hàng đáp ứng cho thị trường vừa có được hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, thời gian đến mảng kinh doanh bán buôn chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi Cảng Quy Nhơn thu hồi đất thuê, theo đó kho dầu trên bờ tại Cảng Quy Nhơn sẽ không thể tiếp tục hoạt động. Do đây là khâu nền tảng cho hoạt động kinh doanh bán buôn xăng dầu của Công ty, vì vậy chắc chắn sẽ tác động đến hiệu quả kinh doanh của khâu này trong thời gian đến. Hoạt động khu vực bán lẻ tiếp tục ổn định. Tổng sản lượng xăng dầu bán ra năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm trước ở cả bán buôn và bán lẻ.

Tổng doanh số bán ra đạt 440,1 tỷ đồng, sản lượng bán ra năm 2019 đạt 28,51 triệu lít, vượt 7,6% so với kế hoạch.

Đối với hoạt động kinh doanh xi măng:

Năm 2019 ngành hàng xi-măng tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng trong khi giá bán không thể tăng tương ứng do cạnh tranh gay gắt, phải giữ thị trường. Các mặt hàng xi-măng chất lượng tốt như Xi-măng Phúc Sơn khó khăn trong việc giữ thị

trường trước áp lực từ các mặt hàng giá rẻ. Chi phí vận chuyển và dịch vụ cầu cảng tăng cao. Không những vậy, do việc bốc dỡ xi-măng tại các Cảng chỉ ưu tiên loại xi-măng đóng bao Sling, vì vậy đã làm giảm sút đáng kể sản lượng cung ứng của Công ty cho thị trường trong năm 2019. Chính vì vậy lợi nhuận của nhóm hàng này năm 2019 không đạt mục tiêu đề ra.

Trong bối cảnh đó, Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược bán hàng nhằm nâng cao sức cạnh tranh, cố gắng ổn định sức bán ra ở nhóm hàng có chất lượng cao, đã có thương hiệu trên thị trường; đồng thời xây dựng giải pháp chuyển sang nhập xi-măng bằng bao Sling để nâng sản lượng qua cảng. Các sản phẩm chất lượng mà Công ty phân phối tiếp tục là xi-măng Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long. Tổng sản lượng bán ra năm 2019 là 181,8 ngàn tấn (đạt 75,6% kế hoạch, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2018).

Dịch vụ khai thác tài sản trên đất:

Mảng kinh doanh các tài sản khai thác cho thuê tài sản trên đất (cửa hàng, nhà xưởng, ...), hợp tác kinh doanh. Tổng diện tích cho thuê: 3.329 m²

Nhìn chung mảng kinh doanh dịch vụ mặt bằng hoạt động bị tác động lớn bởi giá thuê của Nhà nước tăng cao. Riêng vị trí mặt bằng số 40 Tầng Bạt Hồ, UBND Tỉnh tăng giá thuê đến 5 lần khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất từ Cửa hàng sang kinh doanh dịch vụ du lịch, đã và sẽ tiếp tục tác động lớn đến hiệu quả khai thác trong thời gian tiếp theo. Tuy nhiên với sự cố gắng, mảng kinh doanh vẫn cơ bản hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra trong năm 2019.

Những tiến bộ công ty đã đạt được .

Về công tác tổ chức lao động:

Trong năm 2019, Ban lãnh đạo tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp bộ máy lao động theo hướng tinh gọn, kiện toàn bộ máy nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo động lực phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, 100% người lao động vẫn bảo đảm được công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty. Trong năm 2019, người lao động trong Công ty có thu nhập bình quân đạt 5,9 triệu đồng/người/tháng.

Cơ chế khoán của Công ty cho các khâu bán lẻ xăng dầu và mảng kinh doanh xi-măng, cơ bản đã tạo sự linh hoạt trong cơ chế bán hàng suốt thời gian qua, đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng. Công ty cũng thường xuyên củng cố, phát triển mạng lưới phân phối, đại lý; chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng, dự trữ hàng hóa hợp lý; điều chỉnh cơ chế giá kịp thời; tăng cường hợp tác với các nhà sản xuất, nhà cung ứng, nhà phân phối; Công ty cũng luôn bảo đảm an toàn sản xuất kinh doanh, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, ứng phó sự cố. Ngoài ra, Công ty có những đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội.

Có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo, CBCNV Công ty, sự đoàn kết nhất trí, vì sự tồn tại và phát triển của Công ty, đã tạo động lực để Công ty có thể duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giữ vững được thị trường, kinh doanh có hiệu quả, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Có được những thành quả trên, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và quản lý điều hành có hiệu quả của HĐQT,

Ban Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, năng động của toàn thể CBCNV Công ty trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Giá trị tài sản cố định có đến 31/12/2019 là 25.135.940.748 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng đạt hiệu quả.

Đối với tình hình nợ phải thu:

Tại thời điểm 31/12/2019, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2019 là: 59.970.597.559 đồng, giảm 6% so với năm trước (trong đó nợ quá hạn từ 6 tháng trở lên: 6.291.662.604 đồng, giảm 8,1% so với năm trước).

Quy chế quản lý nợ phải thu của Công ty được lập từ năm 2013, qua các năm đều được hoàn thiện nhằm tăng tính hiệu quả trong quản lý nợ, đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn và quá hạn; chế tài đối với các cá nhân, bộ phận liên quan để xảy ra nợ dây dưa, khó đòi.

Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2020, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả người bán đến 31/12/2019: 4.401.463.923 đồng.

Trong năm không có biến động lớn về các khoản nợ.

Trong năm qua, Công ty đã luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gán trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Về tài chính:

- Trong năm, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục tuân thủ tốt Quy chế quản lý nợ phải thu theo hướng chặt chẽ hơn về chế tài xử lý, gia tăng trách nhiệm quản lý, qua đó tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp, khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đối với khách hàng, tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc chỉ ký kết hợp đồng với các khách hàng đại lý có thể đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả trong kinh doanh, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro.
- Sử dụng các nguồn lực tài chính có hiệu quả. Định mức kinh tế – kỹ thuật Công ty đã được các khâu thực hiện theo đúng qui định của Công ty.
- Đối với vốn luân chuyển, các đơn vị đã tuân thủ theo chỉ số hiệu quả quay vòng vốn trên từng khách hàng, trên từng lô hàng.

Về tổ chức:

- Kiện toàn bộ máy quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách, tăng hiệu quả trong quản lý. Cơ chế phối kết hợp, tham

chiều giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.

- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác của cán bộ quản lý, điều hành; động viên người lao động tin tưởng, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

4. **Kế hoạch phát triển trong năm 2020:**

Do tác động của đại dịch Covid-19, hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế đều bị tác động, trong đó nặng nề nhất là thương mại và dịch vụ. Ngay từ tháng 01 năm 2020, dịch bệnh đã tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty bắt đầu với khâu vận chuyển gặp rất nhiều khó khăn và kéo dài cho đến nay (tháng 4/2020), đã làm cho nhu cầu của thị trường các ngành hàng Công ty kinh doanh sụt giảm, đặc biệt là xăng dầu và lĩnh vực khai thác mặt bằng. Dự báo, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt trong quý II và kinh tế nói chung phục hồi trở lại vào quý III năm 2020, thì sản lượng bán ra của toàn Công ty năm 2020 sẽ giảm từ 35-40% so với cùng kỳ năm trước. Đối với ngành hàng xăng dầu, bên cạnh tác động của bệnh dịch, cuộc chiến giá dầu kéo dài giữa các nước xuất khẩu dầu mỏ cũng sẽ khiến cho diễn biến giá dầu thế giới trở nên khó lường hơn trong năm 2020.

Như vậy, trên cơ sở tình hình thực tế, dự báo thị trường thời gian đến và năng lực của Công ty, kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2019
Tổng doanh thu	513,1 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	20 triệu đồng
Cổ tức dự kiến	0 %

Các chỉ tiêu cụ thể:

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2020	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2019
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	499.002	81%
DOANH THU	Tr.đồng	513.118	76%
D.THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	510.684	76%
Xi-măng	Tr.đồng	225.673	97%
- Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long	tấn	176.000	97%
Xăng dầu	Tr.đồng	285.011	65%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	192.947	64%
+ Lượng bán ra	1000 lít	12.148	62%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	92.064	66%
+ Lượng bán ra	1000 lít	5.292	60%

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2020	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2019
D.THU D.VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	2.434	72%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	513.118	76%
Giá vốn hàng bán	-	496.060	77%
Chiết khấu hàng mua	-	9.952	0%
Lợi nhuận gộp	-	27.010	78%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	0%
Chi phí lãi vay	-	2.462	107%
Chi phí bán hàng	-	18.023	58%
Trích lập dự phòng	-	-	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	6.500	96%
Thu nhập khác		-	0
Lợi nhuận trước thuế	-	25	-
Thuế phải nộp	-	5	-
Lợi nhuận sau thuế	-	20	-
Tỷ lợi tức cổ phần (phần đầu từ 4-6%)	%	0,00	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	0,05	-

5. **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):**

Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Lãnh đạo Công ty đã làm tròn chức trách điều hành và quản trị Công ty và định hướng các biện pháp kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đạt theo kế hoạch đề ra, mức cổ tức năm 2019 dự kiến đạt 8%, hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ 2019 đã đề ra.

Các trưởng bộ phận dưới sự điều hành của Ban TGD đã làm tốt các nhiệm vụ được giao, có khả năng phối hợp các bộ phận tạo điều kiện hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2020 như đã dự báo sẽ có rất nhiều khó khăn về tình hình cạnh tranh, về các yếu tố khách quan như thời tiết,... đặc biệt là tình hình dịch bệnh COVID-19, vì vậy tất cả CBCNV và Ban lãnh đạo Công ty phải hết sức cố gắng, nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí, cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn (thời điểm dự kiến sẽ rơi vào quý 1 và quý 2 năm 2020), hạn chế lỗ, cố gắng đảm bảo đời sống việc làm cho người lao động trong năm 2020.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các định hướng kinh doanh năm 2019 của Hội đồng quản trị đề ra. Trong năm 2019, bên cạnh việc thực hiện các biện pháp để giữ

thị trường, khách hàng, Ban Tổng giám đốc phải có kế hoạch cụ thể khi giá dầu Thế Giới xuống thấp, có giải pháp ổn định nguồn cung cho hệ thống đại lý khách hàng khi Cảng Quy Nhơn thu hồi đất - dẫn đến Kho trung chuyển An Phú không thể hoạt động; Thực hiện song song với nhiệm vụ quản lý nợ, kiểm soát chặt chẽ rủi ro đối với nợ phải thu nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020 là năm không thể đoán định do tác động nặng nề của bệnh dịch. Nhu cầu thị trường sẽ giảm sút nghiêm trọng đối với hầu hết các lĩnh vực trong đó có xăng dầu. Giá cả xăng dầu thế giới sẽ biến động rất khó lường. So với xăng dầu, mức giảm của nhu cầu thị trường ở nhóm hàng xi-măng tuy có ít hơn, song hoạt động kinh doanh cũng sẽ rất khó khăn do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, chi phí cầu cảng lớn. Tuy nhiên, nếu tình hình bệnh dịch tại Việt Nam được kiểm soát tốt kể từ quý II, theo đó hoạt động lưu thông thị trường vẫn được duy trì, chi phí đầu vào (như cước vận chuyển, lãi vay,...) nhiều khả năng sẽ thấp hơn so với năm trước, ... thì đây sẽ là những điều kiện thuận lợi để Công ty hồi phục, có điều kiện phát triển trong các tháng cuối năm. Vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo nhằm sự chỉ đạo đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện sâu sát hơn, mục tiêu là ổn định hoạt động kinh doanh, giữ được vốn, tiến tới hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch đề ra.

Quyết tâm thực hiện tốt công tác quản lý sau:

- Duy trì sản lượng bán - đảm bảo cung ứng cho hệ thống khách ở ngành hàng xăng dầu, giữ vững thị phần ở ngành hàng xi-măng, đảm bảo tính ổn định đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác.
- Tăng cường công tác quản lý vốn, đặc biệt đối với nợ phải thu.
- Trên cơ sở về tình hình nhân sự của Công ty, HĐQT đánh giá khả năng các nhân sự quản lý sẽ thiếu hụt trong vòng 1-2 năm tới. Để khắc phục vấn đề này, HĐQT đã giao Tổng giám đốc xem xét việc bổ nhiệm một số vị trí quản lý tại các phòng chủ chốt; xây dựng phương án nhân sự với mục tiêu đảm bảo đội ngũ kế thừa và giữ ổn định, phát triển mọi hoạt động của Công ty.

Dự kiến các khoản đầu tư: Không có.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Stt	Họ và Tên	Chức danh		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện 31,54% - Sở hữu 0,51%	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCT (PETEC) - Trưởng ban kiểm soát CTCP Âu Lạc
2	Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành	16,6%	Không
3	Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành	6,13%	Giám đốc Công ty TNHH MTV Du lịch Minh Nhật
4	Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	0%	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Vật tư Xăng dầu (CỎECO); kiêm nhiệm; Phó Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
5	Ông Lương Duy Vân	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành	8,46%	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp
 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: từ 01/01/2019 đến 31/12/2019:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch	05/05	100%	
02	Nguyễn Trọng Phát	thành viên	05/05	100%	
03	Lương Duy Vân	thành viên	05/05	100%	
04	Đỗ Khoa Mỹ Linh	thành viên	05/05	100%	
05	Nguyễn Đức Linh	thành viên	05/05	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định trong năm 2019 của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp lần thứ 20 – Nhiệm kỳ IV	18/01/2019	V/v thông qua việc quan hệ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định
	Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT	18/01/2019	
2	Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐQT	30/01/2019	V/v thông qua nội dung 2 Tờ trình ngày 23/01/2019 của Tổng Giám đốc
3	Biên bản họp lần thứ 21 – Nhiệm kỳ IV	01/03/2019	Họp phiên thường kỳ
4	Biên bản họp lần thứ 22 – Nhiệm kỳ IV	09/05/2019	Họp phiên thường kỳ
5	Nghị quyết số 78/2019/NQ-HĐQT	24/04/2019	V/v thông qua phương án mua tàu chứa dầu DO công suất 900-1.000 tấn tại khu bến phao dầu An Phú và thanh lý xà lan chứa dầu hết hạn sử dụng
6	Biên bản họp lần thứ 23 – Nhiệm kỳ IV	22/08/2019	Họp phiên thường kỳ
7	Biên bản họp lần thứ 24 – Nhiệm kỳ IV	07/12/2019	Họp phiên thường kỳ

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành – Danh sách đến 30/5/2019.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Văn Ánh	Trưởng ban BKS	0,69%
2	Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên BKS	0%
3	Ông Nguyễn Văn Phàn	Thành viên BKS	0,03%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, tổ chức 03 lần họp:

- Lần 1: Ngày 29 – 30/03/2019, Giám sát tình hình tài chính Công ty năm 2019;
- Lần 2: Ngày 20 – 21/07/2019: Giám sát tình hình tài chính Công ty năm 2019;
- Lần 3: Ngày 06 – 07/12/2019: Giám sát tình hình tài chính Công ty năm 2019;

Nhìn chung hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ

Stt	Họ và Tên	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác
1	Ông Huỳnh Đức Trường Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT: 60.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 40.000.000đ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có
2	Ông Nguyễn Trọng Phát Phó CT HĐQT Tổng giám đốc	Lương: 480.000.000 đồng Thù lao HĐQT: 48.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 32.000.000đ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: Các thành viên trong gia đình có sở hữu 03 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, các cửa hàng này đang là đại lý xăng dầu của Công ty cổ phần Petec Bình Định.
3	Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	Lương: 192.000.000 đồng Thù lao HĐQT: 48.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 27.000.000đ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có

Stt	Họ và Tên	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác
4	Ông Nguyễn Đức Linh - Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT: 48.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 27.000.000đ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có.
5	Ông Lương Duy Vân - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	Lương: 192.000.000 đồng Thù lao HĐQT: 48.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 27.000.000đ
6	Ông Nguyễn Văn Ánh Trưởng Ban K. Soát	Lương cán bộ chuyên trách: 84.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 18.000.000đ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có.
7	Ông Hoàng Anh Tuấn -Th/viên Ban K. Soát	Thù lao BKS: 30.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 12.000.000đ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có
8	Ông Nguyễn Văn Phàn -Th/viên Ban K. Soát	Thù lao BKS: 30.000.000 đồng Tiền thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2019: 12.000.000đ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có
9	Bà Khổng Thị Hà - Kế toán trưởng	Lương: 108.000.000 đồng Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Stt	Họ và Tên	Nội bộ / Liên quan đến người nội bộ	Thời gian thực hiện	Giao dịch
1	Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	24/07/2019 đến ngày 22/08/2019	Mua 44.896 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 16,6%
			06/06/2019 đến ngày 17/06/2019	Mua 70.000 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 15,49%
2	Ông Lương Duy Vân	Thành viên HĐQT	Từ 25/06/2019	Mua 13.000 cổ phần

Stt	Họ và Tên	Nội bộ / Liên quan đến người nội bộ	Thời gian thực hiện	Giao dịch
		Phó Tổng giám đốc	đến ngày 23/07/2019	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 8,46%
			Từ 02/04/2019 đến ngày 26/04/2019	Mua 25.000 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 8,14%
3	Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	22/07/2019 đến ngày 15/08/2019	Mua 146.067 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 6,03%
			05/06/2019 đến ngày 03/07/2019	Mua 4.224 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2,42%
4	Bà Đỗ Thị Phương Thùy	Em ruột bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Từ 22/07/2019 đến ngày 29/07/2019	Bán 128.863 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 0%
5	Bà Đỗ Thị Kim Thoa	Em ruột bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Từ 22/07/2019 đến ngày 29/07/2019	Bán 10.000 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 0%

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Stt	Hợp đồng	Số / ngày	Nội bộ / Liên quan đến người nội bộ
1	Loại hợp đồng: Đại lý bao tiêu xăng dầu	Hợp đồng số: 01/ĐL-XD; Ngày ký: 01/01/2019	Chủ doanh nghiệp là vợ của

Stt	Hợp đồng	Số / ngày	Nội bộ / Liên quan đến người nội bộ
	Với: Công ty TNHH Xăng dầu Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo – Chủ doanh nghiệp: Trần Thị Bốn	Hiệu lực hợp đồng: 01/01/2019 – 31/12/2019	Ông Nguyễn Trọng Phát – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
2	Loại hợp đồng: Đại lý bao tiêu xăng dầu Với: Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo GiaLai – Giám đốc: Nguyễn Trọng Bảo	Hợp đồng số: 03/ĐL-XD; Ngày ký: 01/01/2019 Hiệu lực hợp đồng: 01/01/2019 – 31/12/2019	Giám đốc là con ruột của: Ông Nguyễn Trọng Phát – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
3	Loại hợp đồng: Đại lý bao tiêu xăng dầu Với: Chi nhánh Công ty TNHH Xăng Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo Doanh nghiệp Thương mại Quốc Bảo – Giám đốc: Nguyễn Công Chính	Hợp đồng số: 06/ĐL-XD; Ngày ký: 01/01/2019 Hiệu lực hợp đồng: 01/01/2019 – 31/12/2019	Giám đốc là con ruột của: Ông Nguyễn Trọng Phát – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:
Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 15/03/2020 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đính kèm từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Đvt: đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.136.895.944	85.919.386.708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.725.452.788	7.061.615.777
1. Tiền	111	5	6.725.452.788	7.061.615.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.970.597.559	63.558.240.966
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	58.990.007.013	60.724.867.808
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.206.660.739	3.909.337.705
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	220.761.459	674.588.600
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.446.831.652)	(1.750.553.147)
IV. Hàng tồn kho	140	11	7.742.320.430	13.669.016.108
1. Hàng tồn kho	141		7.742.320.430	13.669.016.108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.498.525.167	1.630.513.857
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	519.748.068	860.801.035
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		327.770.171	769.712.822
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	651.006.928	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.628.079.116	23.682.038.411
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		315.000.000	1.560.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	315.000.000	1.560.000.000
II. Tài sản cố định	220		25.135.940.748	20.813.613.506
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	24.235.292.748	19.912.965.506
- Nguyên giá	222		50.625.104.443	46.599.558.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.389.811.695)	(26.686.593.451)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.159.137.852	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.159.137.852	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	834.218.697	821.688.880
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.644.845.827)	(4.657.375.644)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		183.781.819	486.736.025
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	183.781.819	486.736.025
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		103.764.975.060	109.601.425.119

Bảng cân đối kế toán*(Tiếp theo)*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.262.346.840	45.361.140.405
I. Nợ ngắn hạn	310		38.130.546.104	44.229.339.669
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.401.463.923	2.807.699.327
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	35.310.389	95.249.680
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.880.783.576	1.248.167.899
4. Phải trả người lao động	314		2.041.397.527	610.665.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	20.074.091
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	2.935.113.408	2.202.254.759
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	26.217.998.630	36.603.848.050
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		618.478.651	641.379.893
II. Nợ dài hạn	330		1.131.800.736	1.131.800.736
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	1.131.800.736	1.131.800.736
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.502.628.220	64.240.284.714
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	64.502.628.220	64.240.284.714
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	7.136.478.246	6.874.134.740
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	22	2.985.358.382	2.985.358.382
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22	4.151.119.864	3.888.776.358
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		103.764.975.060	109.601.425.119

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Đvt: đồng)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	675.207.778.554	714.880.535.257
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		675.207.778.554	714.880.535.257
4. Giá vốn hàng bán	11	24	640.633.049.434	676.175.761.157
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		34.574.729.120	38.704.774.100
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.418.136.886	3.405.687.199
7. Chi phí tài chính	22	26	2.306.818.053	4.139.768.166
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	2.299.910.810	3.572.485.725
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	31.192.572.829	35.547.241.775
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	6.800.899.686	6.823.270.621
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.307.424.562)	(4.399.819.263)
11. Thu nhập khác	31	28	9.544.789.430	9.294.784.141
12. Chi phí khác	32	29	17.172.031	5.595.544
13. Lợi nhuận khác	40		9.527.617.399	9.289.188.597
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.220.192.837	4.889.369.334
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.069.072.973	1.000.592.976
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.151.119.864	3.888.776.358
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.028	800
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.028	800

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Đơn vị: đồng)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.220.192.837	4.889.369.334
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	1.588.169.863	1.434.691.881
- Các khoản dự phòng	03	26, 27.b	683.748.688	840.325.294
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25,28	(2.175.257.253)	(6.253.550)
- Chi phí lãi vay	06	26	2.299.910.810	3.572.485.725
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		7.616.764.945	10.730.618.684
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.927.300.625	6.031.735.285
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.926.695.678	(1.758.679.094)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.678.329.270	976.715.989
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		644.007.173	409.920.920
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.299.910.810)	(3.572.485.725)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(500.592.976)	(1.651.378.177)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(680.360.000)	(895.002.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.312.233.905	10.271.445.882
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(7.069.634.957)	-
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	28	2.168.996.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(200.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	6.261.253	6.253.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.094.377.704)	6.253.550
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	652.746.853.895	684.873.074.720
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(663.132.703.315)	(689.856.441.175)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20, 22	(3.168.169.770)	(3.937.379.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.554.019.190)	(8.920.746.155)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(336.162.989)	1.356.953.277
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.061.615.777	5.704.662.500
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.725.452.788	7.061.615.777

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): đăng tải tại trang điện tử của Công ty “petecbidico.com.vn”, mục Quan hệ cổ đông / Báo cáo Tài chính.

Tp. Quy Nhơn, ngày 09/4/2020
 Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

